

**CÔNG TY CỔ PHẦN  
DƯỢC PHẨM AGIMEXPHARM**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
ĐÃ KIỂM TOÁN**

*Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014*





**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AGIMEXPHARM**  
**BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Hội đồng quản trị Công ty hân hạnh đệ trình bản báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014.

**1. Hội đồng quản trị**

Hội đồng quản trị Công ty đương nhiệm trong năm 2014 và đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

<i>Họ tên</i>	<i>Chức danh</i>
- Ông Nguyễn Văn Kha	Chủ tịch HĐQT
- Bà Nguyễn Thị Nam Hóa	Phó Chủ tịch HĐQT
- Bà Trần Thị Đào	Thành viên
- Ông Nguyễn Quốc Định	Thành viên
- Bà Phạm Thị Bích Thủy	Thành viên
- Bà Trương Thị Kim Loan	Thành viên
- Ông Phạm Uyên Nguyên	Thành viên

Trong năm 2014, không có bất kỳ sự thay đổi nào đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

**2. Ban kiểm soát**

Ban kiểm soát Công ty đương nhiệm trong năm 2014 và đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

<i>Họ tên</i>	<i>Chức danh</i>
- Bà Trần Thị Thanh Hằng	Trưởng Ban kiểm soát
- Ông Nguyễn Văn Hoàng	Thành viên
- Ông Hồ Thanh Phong	Thành viên

Trong năm 2014, không có bất kỳ sự thay đổi nào đối với các thành viên Ban kiểm soát.

**3. Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty đương nhiệm trong năm 2014 và đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

<i>Họ tên</i>	<i>Chức danh</i>
- Ông Nguyễn Văn Kha	Giám đốc
- Bà Nguyễn Thị Nam Hóa	Phó Giám đốc
- Bà Phạm Thị Bích Thủy	Phó Giám đốc

Trong năm 2014, không có bất kỳ sự thay đổi nào đối với các thành viên Ban Giám đốc.

**4. Trụ sở hoạt động và các đơn vị trực thuộc**

Trụ sở chính của Công ty đặt tại số 27, đường Nguyễn Thái Học, phường Mỹ Bình, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.





**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AGIMEXPHARM**  
**BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

- Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược phẩm Agimexpharm đặt tại số 24, đường số 3, cư xá Bình Thới, phường 8, quận 11, thành phố Hồ Chí Minh;
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược phẩm Agimexpharm – Nhà máy Sản xuất Dược phẩm Agimexpharm đặt tại đường Vũ Trọng Phụng, khóm Thạnh An, phường Mỹ Thới, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang;
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược phẩm Agimexpharm đặt tại lô 3 khu B2-3, đường 30/4, phường Hòa Cường Bắc, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

**5. Ngành nghề kinh doanh**

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1600699279 đăng ký lần đầu ngày 03/06/2004 và đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 02/08/2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh An Giang cấp, các ngành nghề kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Mua bán thiết bị quang học, thiết bị y tế, nha khoa, thiết bị bệnh viện;
- Mua bán thuốc, dược phẩm;
- Mua bán thực phẩm dinh dưỡng;
- Mua bán mỹ phẩm;
- Mua bán nguyên phụ liệu, hóa dược phục vụ sản xuất dược phẩm;
- Mua bán vacxin và sinh phẩm y tế;
- Mua bán tinh dầu từ thảo dược;
- Sản xuất thực phẩm, thực phẩm dinh dưỡng, thực phẩm chức năng;
- Mua bán thức ăn gia súc;
- Sản xuất nước uống đóng bình và đóng chai (doanh nghiệp tuân thủ theo quy định pháp luật về an toàn vệ sinh thực phẩm trong quá trình hoạt động);
- Sản xuất thuốc, hóa dược và dược liệu;
- Sản xuất thức ăn gia súc;
- Mua bán thực phẩm, thực phẩm dinh dưỡng, thực phẩm chức năng;
- Sản xuất mỹ phẩm;
- In ấn bao bì;
- Kinh doanh bất động sản;
- Sản xuất tinh dầu từ thảo dược;
- Hoạt động hợp tác kinh doanh dịch vụ đại lý giao dịch chứng khoán theo quy định của pháp luật về chứng khoán, đất đai và các quy định pháp luật khác có liên quan.

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm 2014 bao gồm các hoạt động sau:

- Mua bán thiết bị quang học, thiết bị y tế, nha khoa, thiết bị bệnh viện;
- Mua bán thuốc, dược phẩm;
- Mua bán mỹ phẩm;
- Mua bán nguyên phụ liệu, hóa dược phục vụ sản xuất dược phẩm;
- Mua bán tinh dầu từ thảo dược;
- Sản xuất thực phẩm, thực phẩm dinh dưỡng, thực phẩm chức năng;
- Sản xuất nước uống đóng bình và đóng chai (doanh nghiệp tuân thủ theo quy định pháp luật về an toàn vệ sinh thực phẩm trong quá trình hoạt động);
- Sản xuất thuốc, hóa dược và dược liệu;
- Mua bán thực phẩm, thực phẩm dinh dưỡng, thực phẩm chức năng.



**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AGIMEXPHARM**  
**BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

**6. Đánh giá tình hình kinh doanh**

Tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc vào cùng ngày nêu trên được thể hiện trong báo cáo tài chính từ trang 7 đến trang 30.

**Các kết quả tài chính**

- Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	23.480.265.494 VND
- Lợi nhuận khác	434.530.159 VND
- <b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>23.914.795.653 VND</b>
- Chi phí thuế TNDN hiện hành	7.282.951.081 VND
- Chi phí thuế TNDN hoãn lại	- VND
- <b>Lợi nhuận kế toán sau thuế</b>	<b>16.631.844.572 VND</b>

**7. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính: không có**

**8. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm**

Hội đồng quản trị Công ty cam kết rằng không có sự kiện quan trọng nào xảy ra trong giai đoạn kể từ ngày kết thúc niên độ tài chính cho đến ngày lập bản báo cáo này cần phải điều chỉnh số liệu hoặc khai báo trên báo cáo tài chính.

**9. Kiểm toán**

Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán Sao Việt được chỉ định kiểm toán báo cáo tài chính năm 2014 cho Công ty.

**10. Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với báo cáo tài chính**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong từng năm tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn phù hợp và áp dụng nhất quán các chính sách kế toán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính kế toán một cách hợp lý và thận trọng;
- Trình bày các nguyên tắc kế toán đang được áp dụng, tùy thuộc vào sự khác biệt trọng yếu cần được công bố và giải trình trong báo cáo tài chính.
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ nhằm ngăn chặn và phát hiện các gian lận và sai sót.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính; các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp.



**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AGIMEXPHARM**  
**BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**


Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty, vì vậy Công ty đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

**11. Phê duyệt báo cáo tài chính**

Hội đồng quản trị công ty phê duyệt báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính này đã được lập và phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2014, kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ cùng với bản thuyết minh đính kèm cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2014, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Long Xuyên, ngày 12 tháng 03 năm 2015

**CHỦ TỊCH**  
**HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**



**NGUYỄN VĂN KHA**

57750-  
HI NHÃ  
CÔNG T  
KHÍEM  
KIEM T  
SAO V  
YEU-





Số: 26 /2015/SVCT-BCKT

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

Kính gửi: **Hội Đồng Quản Trị, Ban Giám đốc**  
**Công ty CP Dược phẩm Agimexpharm**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Dược phẩm Agimexpharm ("Công ty") được lập ngày 02 tháng 02 năm 2015, từ trang 7 đến trang 30, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

### **Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán chuyên môn của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hay nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về tính hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính của Ban Giám đốc, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



## Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Dược phẩm Agimexpharm tại ngày 31/12/2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



**Nguyễn Quang Nhơn, Giám đốc**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0325-2013-107-1

Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán Sao Việt

Cần Thơ, ngày 12 tháng 03 năm 2015

A blue ink signature of Phạm Đông Sơn, written over a horizontal line.

**Phạm Đông Sơn**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1052-2013-107-1





**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>145.366.695.943</b>	<b>100.059.954.230</b>
<i>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</i>	<b>110</b>	V.1	<b>9.342.522.787</b>	<b>8.211.470.076</b>
1. Tiền	111		9.342.522.787	8.211.470.076
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<i>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</i>	<b>120</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
<i>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</i>	<b>130</b>	V.2	<b>61.245.214.947</b>	<b>49.514.431.035</b>
1. Phải thu khách hàng	131		57.269.160.849	50.335.110.303
2. Trả trước cho người bán	132		2.315.706.566	601.764.010
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch HĐXD	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135		4.190.579.602	1.226.901.455
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(2.530.232.070)	(2.649.344.733)
<i>IV. Hàng tồn kho</i>	<b>140</b>		<b>61.965.982.520</b>	<b>36.241.367.332</b>
1. Hàng tồn kho	141	V.3	61.965.982.520	36.241.367.332
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<i>V. Tài sản ngắn hạn khác</i>	<b>150</b>	V.4	<b>12.812.975.689</b>	<b>6.092.685.787</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		31.000.000	14.000.000
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà Nước	154		-	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		12.781.975.689	6.078.685.787
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>49.274.489.856</b>	<b>45.364.890.092</b>
<i>I. Các khoản phải thu dài hạn</i>	<b>210</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<i>II. Tài sản cố định</i>	<b>220</b>		<b>47.101.046.026</b>	<b>43.178.629.486</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.5	35.561.042.819	33.081.101.927
- Nguyên giá	222		56.940.207.563	51.244.937.635
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(21.379.164.744)	(18.163.835.708)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.6	11.540.003.207	10.097.527.559
- Nguyên giá	228		11.760.164.376	10.162.280.844
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(220.161.169)	(64.753.285)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		-	-
<i>III. Bất động sản đầu tư</i>	<b>240</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<i>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</i>	<b>250</b>	V.7	<b>1.797.080.000</b>	<b>1.797.080.000</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258		1.797.080.000	1.797.080.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		-	-
<i>V. Tài sản dài hạn khác</i>	<b>260</b>	V.8	<b>376.363.830</b>	<b>389.180.606</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		190.420.729	389.180.606
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		185.943.101	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>194.641.185.799</b>	<b>145.424.844.322</b>



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>105.205.918.431</b>	<b>77.694.954.119</b>
<i>I. Nợ ngắn hạn</i>	<b>310</b>		<b>101.934.718.431</b>	<b>73.867.753.930</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.9	58.770.556.110	47.981.772.903
2. Phải trả người bán	312	V.10	28.569.835.403	14.133.099.878
3. Người mua trả tiền trước	313	V.10	669.002.244	1.005.124
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.11	2.059.081.671	3.242.656.288
5. Phải trả người lao động	315		431.694.936	1.247.117.038
6. Chi phí phải trả	316	V.12	6.873.760.764	3.339.146.250
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng XD	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.13	2.966.232.849	3.585.099.152
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		1.594.554.454	337.857.297
<i>II. Nợ dài hạn</i>	<b>330</b>		<b>3.271.200.000</b>	<b>3.827.200.189</b>
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.9	2.047.800.000	2.103.800.189
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		1.223.400.000	1.723.400.000
10. Quỹ bình ổn giá xăng dầu	340		-	-
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>89.435.267.368</b>	<b>67.729.890.203</b>
<i>I. Vốn chủ sở hữu</i>	<b>410</b>	V.14	<b>89.435.267.368</b>	<b>67.729.890.203</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		39.599.400.000	26.399.600.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		19.313.666.700	19.363.666.700
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		4.662.862	4.662.862
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		13.657.163.432	9.405.526.716
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		228.529.802	1.623.914.059
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		16.631.844.572	10.932.519.866
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
<i>II. Nguồn kinh phí, quỹ khác</i>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
2. Nguồn kinh phí	432		-	-
3. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>194.641.185.799</b>	<b>145.424.844.322</b>



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

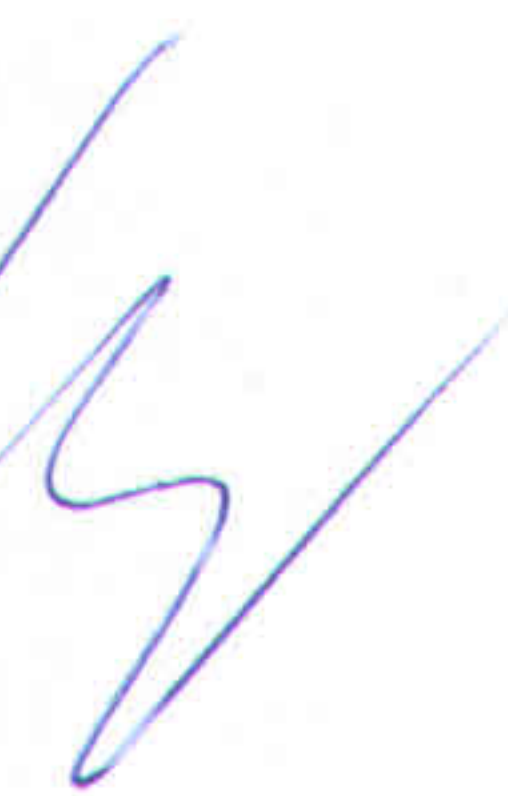
Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý (VND)		40.615.668	40.615.668
5. Ngoại tệ các loại		-	-
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-



**Dương Ánh Ngọc**  
Người lập



**Lê Thái Minh Trang**  
Kế toán trưởng

**Nguyễn Văn Kha**  
Giám đốc  
Long Xuyên, ngày 02 tháng 02 năm 2015





**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AGIMEXPHARM**  
**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
*Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2014*

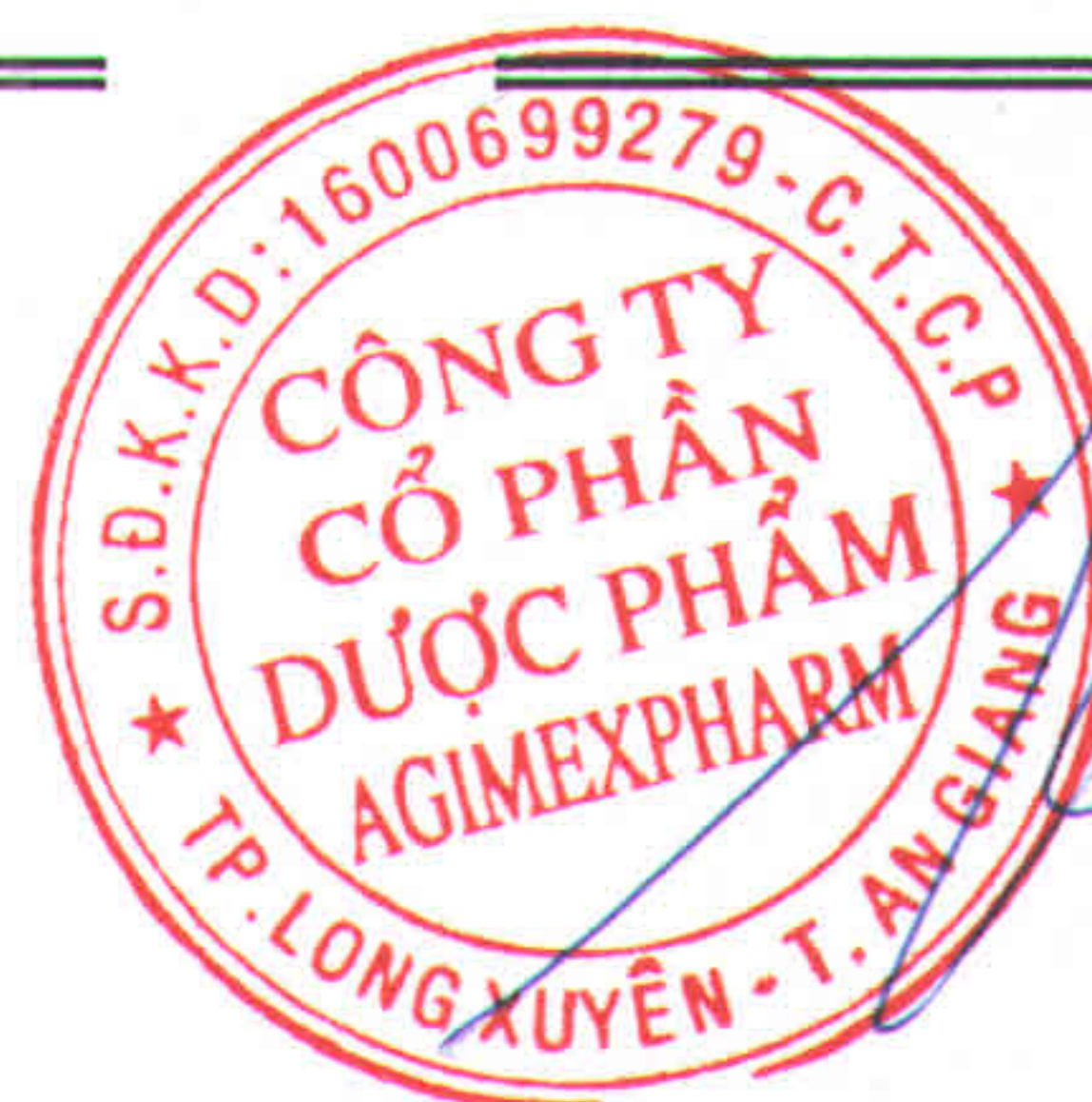
Mẫu số : B 02 - DN

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		345.082.321.106	255.569.283.187
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	2.030.741.373	2.303.151.101
3. Doanh thu thuần về BH và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	343.051.579.733	253.266.132.086
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.1	223.070.939.825	160.744.968.535
5. Lợi nhuận gộp về BH và cung cấp dịch vụ	20	VI.1	119.980.639.908	92.521.163.551
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	550.975.149	511.339.997
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	5.931.569.488	5.431.763.642
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		5.769.942.563	5.199.927.909
8. Chi phí bán hàng	24	VI.5	77.369.095.578	57.064.811.817
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	13.750.684.497	15.247.835.853
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		23.480.265.494	15.288.092.236
11. Thu nhập khác	31	VI.7	504.234.558	66.299.538
12. Chi phí khác	32		69.704.399	-
13. Lợi nhuận khác	40		434.530.159	66.299.538
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	VI.8	23.914.795.653	15.354.391.774
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.8	7.282.951.081	4.321.871.908
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	VI.8	-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	VI.8	16.631.844.572	11.032.519.866
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		5.686	4.179

Dương Ánh Ngọc  
Người lập

Lê Thái Minh Trang  
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Kha  
Giám đốc

Long Xuyên, ngày 02 tháng 02 năm 2015



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ****Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2014**

(Theo phương pháp trực tiếp)

Đơn vị tính : VND

Chỉ tiêu	Mã số	Năm nay	Năm trước
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	196.029.828.010	101.288.703.361
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(110.171.228.248)	(78.488.226.172)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(22.079.532.255)	(17.517.713.965)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	(5.691.186.209)	(5.278.115.037)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(8.823.274.588)	(4.161.823.587)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	20.974.451.672	56.623.471.759
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(81.997.703.485)	(52.368.030.073)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	<b>(11.758.645.103)</b>	<b>98.266.286</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(7.693.615.284)	(425.396.536)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	20.830.304	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	364.190.276	392.561.906
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	<b>(7.308.594.704)</b>	<b>(32.834.630)</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1. Tiền thu từ phát hành CP, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	13.199.800.000	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại CP của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	135.978.456.250	83.161.539.169
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(125.245.673.232)	(79.389.212.291)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(3.734.290.500)	(2.169.809.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	<b>20.198.292.518</b>	<b>1.602.517.878</b>
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	<b>1.131.052.711</b>	<b>1.667.949.534</b>
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	<b>8.211.470.076</b>	<b>6.543.520.542</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	<b>9.342.522.787</b>	<b>8.211.470.076</b>



Dương Ánh Ngọc  
Người lập



Lê Thái Minh Trang  
Kế toán trưởng



Nguyễn Văn Kha  
Giám đốc

Long Xuyên, ngày 02 tháng 02 năm 2015



**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AGIMEXPHARM  
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014**

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

**I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

**1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Dược phẩm Agimexpharm (sau đây gọi tắt là Công ty) được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1600699279 đăng ký lần đầu ngày 03/06/2004 và đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 02/08/2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh An Giang cấp.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, vốn điều lệ của Công ty là 26.399.600.000, trong đó:

Cổ đông	Tổng số cổ phần	Số tiền	Tỷ lệ (%)
- Cổ đông Nhà nước	316.800	3.168.000.000	12,00%
- Các cổ đông khác	2.323.160	23.231.600.000	88,00%
<b>Cộng</b>	<b>2.639.960</b>	<b>26.399.600.000</b>	<b>100,00%</b>

Vốn đầu tư của chủ sở hữu trình bày trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2014 là 39.599.400.000, trong đó:

Cổ đông	Tổng số cổ phần	Số tiền	Tỷ lệ (%)
- Công ty CP Dược phẩm Imexpharm	1.346.098	13.460.980.000	33,99%
- Phạm Uyên Nguyên	512.255	5.122.550.000	12,94%
- Các cổ đông khác	2.101.587	21.015.870.000	53,07%
<b>Cộng</b>	<b>3.959.940</b>	<b>39.599.400.000</b>	<b>100,00%</b>

**2. Trụ sở hoạt động và các đơn vị trực thuộc**

Trụ sở chính của Công ty đặt tại số 27, đường Nguyễn Thái Học, phường Mỹ Bình, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

- Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược phẩm Agimexpharm đặt tại số 24, đường số 3, cư xá Bình Thới, phường 8, quận 11, thành phố Hồ Chí Minh;
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược phẩm Agimexpharm – Nhà máy Sản xuất Dược phẩm Agimexpharm đặt tại đường Vũ Trọng Phụng, khóm Thạnh An, phường Mỹ Thới, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang;
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Dược phẩm Agimexpharm đặt tại lô 3 khu B2-3, đường 30/4, phường Hòa Cường Bắc, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

**3. Ngành nghề kinh doanh**

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các ngành nghề kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Mua bán thiết bị quang học, thiết bị y tế, nha khoa, thiết bị bệnh viện;
- Mua bán thuốc, dược phẩm;
- Mua bán thực phẩm dinh dưỡng;



**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AGIMEXPHARM**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014**

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

- Mua bán mỹ phẩm;
- Mua bán nguyên phụ liệu, hóa dược phục vụ sản xuất dược phẩm;
- Mua bán vacxin và sinh phẩm y tế;
- Mua bán tinh dầu từ thảo dược;
- Sản xuất thực phẩm, thực phẩm dinh dưỡng, thực phẩm chức năng;
- Mua bán thức ăn gia súc;
- Sản xuất nước uống đóng bình và đóng chai (doanh nghiệp tuân thủ theo quy định pháp luật về an toàn vệ sinh thực phẩm trong quá trình hoạt động);
- Sản xuất thuốc, hóa dược và dược liệu;
- Sản xuất thức ăn gia súc;
- Mua bán thực phẩm, thực phẩm dinh dưỡng, thực phẩm chức năng;
- Sản xuất mỹ phẩm;
- In ấn bao bì;
- Kinh doanh bất động sản;
- Sản xuất tinh dầu từ thảo dược;
- Hoạt động hợp tác kinh doanh dịch vụ đại lý giao dịch chứng khoán theo quy định của pháp luật về chứng khoán, đất đai và các quy định pháp luật khác có liên quan.

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm 2014 bao gồm các hoạt động sau:

- Mua bán thiết bị quang học, thiết bị y tế, nha khoa, thiết bị bệnh viện;
- Mua bán thuốc, dược phẩm;
- Mua bán mỹ phẩm;
- Mua bán nguyên phụ liệu, hóa dược phục vụ sản xuất dược phẩm;
- Mua bán tinh dầu từ thảo dược;
- Sản xuất thực phẩm, thực phẩm dinh dưỡng, thực phẩm chức năng;
- Sản xuất nước uống đóng bình và đóng chai (doanh nghiệp tuân thủ theo quy định pháp luật về an toàn vệ sinh thực phẩm trong quá trình hoạt động);
- Sản xuất thuốc, hóa dược và dược liệu;
- Mua bán thực phẩm, thực phẩm dinh dưỡng, thực phẩm chức năng.

4. **Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính:** không có.

## II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

### 1. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm được bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12.

### 2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ được sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND).

## III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### 1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 và các Thông tư sửa đổi, bổ sung của Bộ Tài Chính.



**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AGIMEXPHARM**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014**

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

**2. Tuyên bố về tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Công ty đảm bảo tuân thủ đầy đủ các quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam, các Thông tư hướng dẫn và Chế độ kế toán doanh nghiệp do Bộ Tài Chính ban hành trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

**3. Hình thức kế toán áp dụng:** Chứng từ ghi sổ.

**IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

**1. Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

**2. Nguyên tắc xác định các khoản tiền**

***Nguyên tắc xác định các khoản tiền và các khoản tương đương tiền***

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

***Nguyên tắc và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán***

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong kỳ bằng ngoại tệ được chuyển đổi thành VND theo tỷ giá giao dịch thực tế của nghiệp vụ kinh tế phát sinh hoặc tỷ giá giao dịch bình quân trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà Nước Việt Nam công bố tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ kinh tế. Chênh lệch tỷ giá phát sinh do việc chuyển đổi nêu trên được ghi nhận vào chi phí tài chính, hoặc doanh thu hoạt động tài chính trên kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

**3. Chính sách kế toán đối với nợ phải thu**

***Nguyên tắc ghi nhận nợ phải thu:*** các khoản phải thu khách hàng, trả trước cho người bán và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm được phân loại là Tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán từ 1 năm trở lên được phân loại là Tài sản dài hạn.

***Phương pháp lập dự phòng nợ phải thu khó đòi:*** dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất của các khoản nợ phải thu có khả năng không thu hồi được tại thời điểm lập báo cáo tài chính. Dự phòng nợ phải thu khó đòi được tính theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài Chính.



**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AGIMEXPHARM**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014**

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

**4. Chính sách kế toán đối với hàng tồn kho**

**Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:** Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí sản xuất và các khoản chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

**Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho:** bình quân gia quyền.

**Phương pháp hạch toán hàng tồn kho:** kê khai thường xuyên.

**Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho:** số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng. Cuối niên độ kế toán 2014, Công ty không có hàng tồn kho nào hư hỏng, lỗi thời, giá bán bị giảm cần lập dự phòng.

**5. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ**

Tài sản cố định được trình bày trên báo cáo tài chính theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua hoặc giá thành thực tế và các khoản chi phí liên quan trực tiếp phải chi ra tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí đã chi ra để nâng cấp tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản cố định đó. Các chi phí sửa chữa tài sản cố định được coi như khoản phí tổn và được hạch toán trực tiếp hoặc phân bổ dần vào chi phí kinh doanh trong kỳ.

Khấu hao tài sản cố định được tính theo phương pháp đường thẳng, thời gian khấu hao tài sản cố định được căn cứ vào khung thời gian sử dụng quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài Chính. Thời gian sử dụng ước tính cho một số nhóm tài sản cố định như sau:

<i>Nhóm TSCĐ</i>	<i>Thời gian khấu hao ước tính</i>
- Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 25 năm
- Máy móc, thiết bị	06 - 15 năm
- Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	06 - 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	05 - 10 năm

**6. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước dài hạn**

Các khoản chi phí công cụ, dụng cụ, chi phí sửa chữa tài sản đã phát sinh nhưng có liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của nhiều niên độ kế toán thì được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn và phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh của các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào phương pháp đường thẳng.



**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AGIMEXPHARM**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
**Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014**

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

**7. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính**

Các khoản đầu tư dài hạn khác được ghi nhận theo giá gốc. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn, dài hạn được lập khi các khoản đầu tư bị giảm giá hoặc doanh nghiệp nhận vốn góp đầu tư bị lỗ.

**8. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm tài chính, trừ khi các khoản chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng, mua sắm máy móc, thiết bị tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng hoặc sản xuất tài sản dở dang có thời gian đủ dài (trên 12 tháng) sẽ được tính vào giá trị của tài sản đó (vốn hóa). Việc vốn hóa chi phí đi vay này sẽ chấm dứt khi tài sản cố định hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc tài sản dở dang đã được bán.

Trong năm 2014, không có khoản chi phí đi vay nào cần được vốn hóa.

**9. Nguyên tắc ghi nhận chi phí tiền lương**

Năm 2014, Công ty trích quỹ tiền lương căn cứ vào hợp đồng lao động, việc trả lương căn cứ vào hợp đồng lao động.

**10. Nguyên tắc ghi nhận quỹ phát triển khoa học và công nghệ**

Quỹ phát triển khoa học và công nghệ được trích tối đa 10% thu nhập tính thuế hàng năm trước khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp. Năm 2014, Công ty không trích quỹ phát triển khoa học và công nghệ.

**11. Nguyên tắc ghi nhận nguồn vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực góp của chủ sở hữu.

Năm 2014, Công ty phân phối lợi nhuận sau thuế từ kết quả kinh doanh năm 2013 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2013.

**12. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu**

Doanh thu thể hiện trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh được ghi nhận căn cứ trên hóa đơn giá trị gia tăng đã lập khi hàng hóa, dịch vụ đã được cung cấp.

**13. Thuế**

Theo quy định của Luật thuế, số liệu thuế sẽ được cơ quan thuế quyết toán. Các khoản sai biệt giữa số thuế theo quyết toán và khoản dự trù thuế (nếu có) sẽ được Công ty điều chỉnh ngay sau khi có kết quả quyết toán thuế.

***Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại***

Do chuyển đổi hình thức sở hữu từ Doanh nghiệp Nhà nước sang Công ty cổ phần, Công ty được hưởng các ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp như sau:

57750-  
HI-NHÀ  
CÔNG  
H-KHIEM  
KIEM T  
SAO Y  
KIEU



**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AGIMEXPHARM**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014**

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

- Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp 20%, được áp dụng trong 10 năm kể từ khi Công ty bắt đầu hoạt động kinh doanh đối với hoạt động sản xuất thuốc tân dược;
- Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp 22%, đối với hoạt động mua bán thuốc tân dược và kinh doanh khác;
- Năm 2014 là năm cuối cùng Công ty được áp dụng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp 20% đối với hoạt động sản xuất thuốc tân dược.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp. Trong năm 2014, Công ty không phát sinh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

**14. Số dư đầu năm**

Số dư đầu năm căn cứ vào báo cáo tài chính năm trước của Công ty đã được kiểm toán.

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	1.495.695.191 (a)	1.506.190.977
Tiền gửi ngân hàng	7.846.827.596 (b)	6.705.279.099
<b>Cộng</b>	<b><u>9.342.522.787</u></b>	<b><u>8.211.470.076</u></b>

(a) Chi tiết số dư tiền mặt tại ngày 31/12/2014 như sau:

	<u>Số tiền</u>
- Tiền mặt tại Văn phòng Công ty	1.327.346.159
- Tiền mặt tại Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	168.349.032
<b>Cộng</b>	<b><u>1.495.695.191</u></b>

(b) Chi tiết số dư tiền gửi ngân hàng tại ngày 31/12/2014 như sau:

<b>Ngân hàng</b>	<u>Số tiền</u>
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín – Chi nhánh Tân Bình – Phòng Giao dịch Lữ Gia	3.771.752.730
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh An Giang	3.187.849.227
- Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex – Chi nhánh An Giang	728.488.185
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh 11 Thành phố Hồ Chí Minh	114.010.607
- Ngân hàng TMCP Á Châu – Chi nhánh An Giang	44.726.846
<b>Cộng</b>	<b><u>7.846.827.596</u></b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AGIMEXPHARM**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014**

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

**2. Các khoản phải thu ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu khách hàng	57.269.160.849 (c)	50.335.110.303
Trả trước cho người bán	2.315.706.566 (d)	601.764.010
Các khoản phải thu khác	4.190.579.602 (e)	1.226.901.455
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(2.530.232.070) (c)	(2.649.344.733)
<b>Cộng</b>	<b><u>61.245.214.947</u></b>	<b><u>49.514.431.035</u></b>

(c) Chi tiết số dư phải thu khách hàng tại ngày 31/12/2014 như sau:

<b>Khách hàng</b>	<u>Số tiền</u>	<u>Dự phòng nợ khó đòi</u>
- Các khách hàng của Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	36.734.880.991	1.924.280.290
- Các khách hàng của Chi nhánh Đà Nẵng	187.479.486	-
- Các khách hàng thuộc khối bệnh viện	4.105.259.888	3.022.233
- Các khách hàng thuộc khối công ty dược ngoài tỉnh	2.045.761.606	62.901.269
- Các khách hàng thuộc khối công ty TNHH	294.175.828	31.740.113
- Các khách hàng thuộc khối công ty Thành phố	407.068.030	-
- Các khách hàng thuộc các khối khác	13.494.535.020	508.288.165
<b>Cộng</b>	<b><u>57.269.160.849</u></b>	<b><u>2.530.232.070</u></b>

(d) Chi tiết số dư trả trước cho người bán tại ngày 31/12/2014 như sau:

<b>Người bán</b>	<u>Số tiền</u>	<u>Dự phòng nợ khó đòi</u>
- Trả trước cho người bán của Văn phòng Công ty	1.336.706.566	-
- Trả trước cho người bán của Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	979.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b><u>2.315.706.566</u></b>	<b><u>-</u></b>

(e) Chi tiết số dư phải thu khác tại ngày 31/12/2014 như sau:

	<u>Số tiền</u>	<u>Dự phòng nợ khó đòi</u>
- Dự thu lãi tiền gửi có kỳ hạn	106.646.926	-
- Thuế thu nhập cá nhân	1.290.381.491	-
- Tạm ứng chi phí tiếp thị	2.793.551.185	-
<b>Cộng</b>	<b><u>4.190.579.602</u></b>	<b><u>-</u></b>

**3. Hàng tồn kho**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nguyên liệu, vật liệu tồn kho	31.357.162.968 (f)	19.676.920.858
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	5.584.262.187 (g)	1.735.050.632
Thành phẩm tồn kho	16.773.169.068 (h)	9.690.575.527
Hàng hóa tồn kho	7.857.997.817 (i)	5.138.820.315
Hàng gửi đi bán	393.390.481 (j)	-
<b>Cộng giá gốc hàng tồn kho</b>	<b><u>61.965.982.520</u></b>	<b><u>36.241.367.332</u></b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AGIMEXPHARM**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014**

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

- Giá trị ghi sổ của hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản nợ phải trả: không có
- Giá trị hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm: không có
- Các trường hợp hoặc sự kiện dẫn đến phải trích thêm hoặc hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: không có

(f) Chi tiết số dư nguyên liệu, vật liệu tồn kho tại ngày 31/12/2014 như sau:

<b>Nguyên liệu, vật liệu</b>	<b>Số tiền</b>
- Nguyên vật liệu chính	25.769.256.291
- Vật liệu phụ	5.587.906.677
<b>Cộng</b>	<b>31.357.162.968</b>

(g) Chi tiết số dư chi phí sản xuất kinh doanh dở dang tại ngày 31/12/2014 như sau:

<b>Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang</b>	<b>Số tiền</b>
- Hoá chất	4.833.066.100
- Phụ liệu	751.196.087
<b>Cộng</b>	<b>5.584.262.187</b>

(h) Đây chủ yếu là thuốc tồn kho các loại.

(i) Chi tiết số dư hàng hóa tồn kho tại ngày 31/12/2014 như sau:

<b>Hàng hóa</b>	<b>Số tiền</b>
- Văn phòng Công ty	122.299.583
- Nhà thuốc số 1	117.450.024
- Nhà thuốc số 2	80.074.677
- Nhà thuốc số 3	90.770.295
- Nhà thuốc số 4	17.540.868
- Nhà thuốc số 6	137.831.899
- Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	6.145.862.365
- Chi nhánh Đà Nẵng	1.146.168.106
<b>Cộng</b>	<b>7.857.997.817</b>

(j) Đây là hàng gửi đi bán của Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh.

**4. Tài sản ngắn hạn khác**

	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	31.000.000	14.000.000
Tài sản ngắn hạn khác	12.781.975.689 (k)	6.078.685.787
<b>Cộng</b>	<b>12.812.975.689</b>	<b>6.092.685.787</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AGIMEXPHARM**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014**

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

(k) Chi tiết số dư tài sản ngắn hạn khác tại ngày 31/12/2014 như sau:

	<u>Số tiền</u>
- Tạm ứng	2.741.501.175
- Cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	10.040.474.514
<b>Cộng</b>	<b><u>12.781.975.689</u></b>

**5. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

<u>Loại tài sản</u>	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng</u>	<u>Giảm</u>	<u>Số cuối năm</u>
<b>Nguyên giá</b>	<b>51.244.937.635</b>	<b>5.851.979.019</b>	<b>156.709.091</b>	<b>56.940.207.563</b>
- Nhà cửa, vật kiến trúc	27.136.928.686	-	-	27.136.928.686
- Máy móc, thiết bị	21.739.585.761	5.513.079.019	-	27.252.664.780
- PT vận tải, TB truyền dẫn	1.872.949.944	303.000.000	156.709.091	2.019.240.853
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	495.473.244	35.900.000	-	531.373.244
<b>Hao mòn lũy kế</b>	<b>18.163.835.708</b>	<b>3.305.436.760</b>	<b>90.107.724</b>	<b>21.379.164.744</b>
- Nhà cửa, vật kiến trúc	6.886.146.452	1.066.929.432	-	7.953.075.884
- Máy móc, thiết bị	9.563.995.031	2.028.537.529	-	11.592.532.560
- PT vận tải, TB truyền dẫn	1.477.586.881	157.097.547	90.107.724	1.544.576.704
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	236.107.344	52.872.252	-	288.979.586
<b>Giá trị còn lại</b>	<b>33.081.101.927</b>			<b>35.561.042.819</b>
- Nhà cửa, vật kiến trúc	20.250.782.234			19.183.852.802
- Máy móc, thiết bị	12.175.590.730			15.660.132.220
- PT vận tải, TB truyền dẫn	395.363.063			474.664.149
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	259.365.900			242.393.648

Chi tiết tài sản cố định hữu hình tăng trong năm 2014 như sau:

	<u>Số tiền</u>
- Máy vô nang AF – 90T	3.308.448.000
- Máy sắc ký lỏng U – 3000	926.661.818
- Máy dập viên (xoay tròn) 27 chày	794.806.292
- Xe ô tô 15 chỗ	303.000.000
- Tủ sấy chân không VD 23 P/N 9030 – 0029	200.000.000
- Các TSCĐ khác	319.062.909
<b>Cộng</b>	<b><u>5.851.979.019</u></b>

Chi tiết tài sản cố định hữu hình giảm trong năm 2014 như sau:

	<u>Số tiền</u>
- Nhượng bán xe ô tô Toyota 12 chỗ 53M – 0338	156.709.091
<b>Cộng</b>	<b><u>156.709.091</u></b>

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 23.738.015.741
- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 3.661.605.479
- Nguyên giá TSCĐ cuối năm chờ thanh lý: không có
- Các cam kết về việc mua, bán TSCĐ hữu hình có giá trị lớn trong tương lai: không có
- Các thay đổi khác về TSCĐ hữu hình: không có



**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AGIMEXPHARM**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014**

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

**6. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

<i>Loại tài sản</i>	<i>Số đầu năm</i>	<i>Tăng</i>	<i>Giảm</i>	<i>Số cuối năm</i>
<b>Nguyên giá</b>	<b>10.162.280.844</b>	<b>1.597.883.532</b>	-	<b>11.760.164.376</b>
- Quyền sử dụng đất	8.608.202.000	1.597.883.532	-	10.206.085.532
- Phần mềm kế toán	1.554.078.844	-	-	1.554.078.844
<b>Hao mòn lũy kế</b>	<b>64.753.285</b>	<b>155.407.884</b>	-	<b>220.161.169</b>
- Quyền sử dụng đất	-	-	-	-
- Phần mềm kế toán	64.753.285	155.407.884	-	220.161.169
<b>Giá trị còn lại</b>	<b>10.097.527.559</b>			<b>11.540.003.207</b>
- Quyền sử dụng đất	8.608.202.000			10.206.085.532
- Phần mềm kế toán	1.489.325.559			1.333.917.675

**7. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn**

	<i>Số đầu năm</i>	<i>Tăng</i>	<i>Giảm</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số lượng cổ phần</i>	<i>Kết quả đầu tư năm 2014</i>
- Cổ phiếu Công ty CP Hóa dược phẩm Mekophar	20.000.000	-	-	20.000.000	4.356	10.835.000
- Cổ phiếu Công ty CP Dược phẩm Imexpharm	187.280.000	-	-	187.280.000	28.749	28.749.000
- Cổ phiếu Công ty CP Dược phẩm OPC	21.300.000	-	-	21.300.000	6.142	6.142.500
- Cổ phiếu Công ty CP Dược phẩm 3/2	1.558.500.000	-	-	1.558.500.000	79.500	127.200.000
- Cổ phiếu Công ty CP Y Dược phẩm Việt Nam	10.000.000	-	-	10.000.000	200	8.000.000
<b>Cộng</b>	<b>1.797.080.000</b>	-	-	<b>1.797.080.000</b>	-	<b>180.926.500</b>

**8. Tài sản dài hạn khác**

	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Chi phí trả trước dài hạn	190.420.729 (l)	389.180.606
Tài sản dài hạn khác	185.943.101 (m)	-
<b>Cộng</b>	<b>376.363.830</b>	<b>389.180.606</b>

(l) Đây là giá trị còn lại của công cụ, dụng cụ chờ phân bổ.

(m) Đây là số tiền ký quỹ hợp tác kinh doanh với Nhà thuốc Nhật Hùng.

**9. Vay và nợ ngắn hạn, vay và nợ dài hạn**

	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Vay và nợ ngắn hạn	58.770.556.110 (n)	47.981.772.903
Vay và nợ dài hạn	2.047.800.000 (o)	2.103.800.189
<b>Cộng</b>	<b>60.818.356.110</b>	<b>50.085.573.092</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AGIMEXPHARM**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014**

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

(n) Chi tiết số dư vay ngắn hạn tại ngày 31/12/2014 như sau:

	<u>Số tiền</u>
- Vay cá nhân	16.637.000.000
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – CN An Giang	36.812.252.037
- Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex – Chi nhánh An Giang	5.321.304.073
<b>Cộng</b>	<b><u>58.770.556.110</u></b>

(o) Chi tiết số dư vay dài hạn tại ngày 31/12/2014 như sau:

	<u>Số tiền</u>
- Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex – Chi nhánh An Giang	1.830.300.000
- Quỹ hỗ trợ Xã hội hóa tỉnh An Giang	217.500.000
<b>Cộng</b>	<b><u>2.047.800.000</u></b>

**10. Phải trả người bán và người mua trả tiền trước**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả người bán	28.569.835.403 (p)	14.133.099.878
Người mua trả tiền trước	669.002.244 (q)	1.005.124
<b>Cộng</b>	<b><u>29.238.837.647</u></b>	<b><u>14.134.105.002</u></b>

(p) Chi tiết số dư phải trả người bán tại ngày 31/12/2014 như sau:

<b>Người bán</b>	<u>Số tiền</u>
- Phải trả người bán tại Văn phòng Công ty	27.879.324.735
- Phải trả người bán tại Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	690.510.668
<b>Cộng</b>	<b><u>28.569.835.403</u></b>

(q) Chi tiết số dư người mua trả tiền trước tại ngày 31/12/2014 như sau:

<b>Khách hàng</b>	<u>Số tiền</u>
- Người mua trả tiền trước của Văn phòng Công ty	552.255.346
- Người mua trả tiền trước của Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	116.746.898
<b>Cộng</b>	<b><u>669.002.244</u></b>

**11. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Thuế giá trị gia tăng	9.036.254	611.603.088
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.719.897.932	2.228.881.348
- Thuế thu nhập cá nhân	330.147.485	402.171.852
<b>Cộng</b>	<b><u>2.059.081.671</u></b>	<b><u>3.242.656.288</u></b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AGIMEXPHARM**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014**

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

**12. Chi phí phải trả**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Chi phí lãi vay	78.756.354	70.771.532
- Chi phí cho cộng tác viên	212.970.639	1.351.800.239
- Chi phí chăm sóc khách hàng	6.498.908.759	1.529.207.562
- Chi phí chiết khấu	83.125.012	387.366.917
<b>Cộng</b>	<b><u>6.873.760.764</u></b>	<b><u>3.339.146.250</u></b>

**13. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	2.966.232.849 (r)	3.585.099.152
<b>Cộng</b>	<b><u>2.966.232.849</u></b>	<b><u>3.585.099.152</u></b>

(r) Chi tiết số dư các khoản phải trả, phải nộp khác tại ngày 31/12/2014 như sau:

	<u>Số tiền</u>
- Kinh phí công đoàn	167.285.317
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	200.000.000
- Cổ tức phải trả	2.597.389.929
- Bệnh viện đa khoa huyện Thới Bình	1.197.603
- Hứa Thị Loan	360.000
<b>Cộng</b>	<b><u>2.966.232.849</u></b>

**14. Vốn chủ sở hữu**

(a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu năm trước

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng</u>	<u>Giảm</u>	<u>Số cuối năm</u>
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	26.399.600.000	-	-	26.399.600.000
- Thặng dư vốn cổ phần	19.363.666.700	-	-	19.363.666.700
- Chênh lệch đánh giá lại tài sản	4.662.862	-	-	4.662.862
- Quỹ đầu tư phát triển	7.941.867.667	1.463.659.049	-	9.405.526.716
- Quỹ dự phòng tài chính	1.279.739.323	344.174.736	-	1.623.914.059
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	6.133.494.730	11.032.519.866	6.233.494.730	10.932.519.866
<b>Cộng</b>	<b><u>61.123.031.282</u></b>	<b><u>12.840.353.651</u></b>	<b><u>6.233.494.730</u></b>	<b><u>67.729.890.203</u></b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AGIMEXPHARM**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014**

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

(b) *Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu năm nay*

	<b>Số đầu năm</b>	<b>Tăng</b>	<b>Giảm</b>	<b>Số cuối năm</b>
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	26.399.600.000	13.199.800.000	-	39.599.400.000
- Thặng dư vốn cổ phần	19.363.666.700	-	50.000.000	19.313.666.700
- Chênh lệch đánh giá lại tài sản	4.662.862	-	-	4.662.862
- Quỹ đầu tư phát triển	9.405.526.716	4.251.636.716	-	13.657.163.432
- Quỹ dự phòng tài chính	1.623.914.059	551.625.993	1.947.010.250	228.529.802
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	10.932.519.866	16.631.844.572	10.932.519.866	16.631.844.572
<b>Cộng</b>	<b>67.729.890.203</b>	<b>34.634.907.281</b>	<b>12.929.530.116</b>	<b>89.435.267.368</b>

Vốn đầu tư của chủ sở hữu tăng là do:

	<u><b>Số tiền</b></u>
- Các cổ đông góp vốn cổ phần	13.199.800.000
<b>Cộng</b>	<u><b>13.199.800.000</b></u>

Thặng dư vốn cổ phần giảm là do:

	<u><b>Số tiền</b></u>
- Chi tiền thuê tư vấn hồ sơ đăng ký chào bán cổ phần theo phương thức chào bán ra công chúng	50.000.000
<b>Cộng</b>	<u><b>50.000.000</b></u>

Quỹ đầu tư phát triển tăng là do:

	<u><b>Số tiền</b></u>
- Trích lập từ lợi nhuận sau thuế năm 2013	4.251.636.716
<b>Cộng</b>	<u><b>4.251.636.716</b></u>

Quỹ dự phòng tài chính tăng là do:

	<u><b>Số tiền</b></u>
- Trích lập từ lợi nhuận sau thuế năm 2013	551.625.993
<b>Cộng</b>	<u><b>551.625.993</b></u>



**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AGIMEXPHARM**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014**

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

Quỹ dự phòng tài chính giảm là do:

	<u>Số tiền</u>
- Bù đắp thuế bị truy thu theo Biên bản thanh tra thuế năm 2011, 2012 và 2013	1.426.573.552
- Bù đắp thuế bị phạt theo Biên bản thanh tra thuế năm 2011, 2012 và 2013	144.172.060
- Bù đắp tiền phạt chậm nộp thuế theo Biên bản thanh tra thuế năm 2011, 2012 và 2013	376.264.638
<b>Cộng</b>	<b><u>1.947.010.250</u></b>

(c) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

<u>Cổ đông</u>	<u>Tổng số cổ phần</u>	<u>Số tiền</u>	<u>Tỷ lệ (%)</u>
- Công ty CP Dược phẩm Imexpharm	1.346.098	13.460.980.000	33,99%
- Phạm Uyên Nguyên	512.255	5.122.550.000	12,94%
- Các cổ đông khác	2.101.587	21.015.870.000	53,07%
<b>Cộng</b>	<b>3.959.940</b>	<b>39.599.400.000</b>	<b>100,00%</b>

Giá trị trái phiếu đã chuyển thành cổ phiếu trong năm: không có  
 Số lượng cổ phiếu quỹ: không có

(d) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
▪ Vốn góp đầu năm	26.399.600.000	26.399.600.000
▪ Vốn góp tăng trong năm	13.199.800.000	-
▪ Vốn góp giảm trong năm	-	-
▪ Vốn góp cuối năm	39.599.400.000	26.399.600.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	3.959.940.000	3.959.962.000

(e) Cổ tức

Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc niên độ kế toán trên cổ phiếu thường: chưa công bố

(f) Cổ phiếu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	3.959.940	2.639.960
- Số lượng cổ phiếu đã được bán ra công chúng	3.959.940	2.639.960
▪ Cổ phiếu thường	3.959.940	2.639.960
▪ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
▪ Cổ phiếu thường	-	-
▪ Cổ phiếu ưu đãi	-	-



**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AGIMEXPHARM**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014**

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

	<u>Năm nay</u>		<u>Năm trước</u>	
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	3.959.940		2.639.960	
▪ Cổ phiếu thường	3.959.940		2.639.960	
▪ Cổ phiếu ưu đãi	-		-	
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000				
<b>VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
<b>1. Doanh thu thuần, giá vốn hàng bán và tỷ lệ lãi gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>				
	<u>Doanh thu thuần</u>	<u>Giá vốn</u>	<u>Lãi gộp</u>	<u>Tỷ lệ</u>
- Hàng hóa	124.456.984.930	109.329.877.080	15.127.107.850	12,15%
- Thành phẩm	218.594.594.803	113.741.062.745	104.853.532.058	47,97%
<b>Cộng</b>	<b>343.051.579.733</b>	<b>223.070.939.825</b>	<b>119.980.639.908</b>	<b>34,97%</b>
<b>2. Các khoản giảm trừ doanh thu</b>				
	<u>Năm nay</u>		<u>Năm trước</u>	
- Hàng bán bị trả lại – hàng hóa	11.226.189		116.295.619	
- Hàng bán bị trả lại – thành phẩm	2.018.372.327		2.138.051.272	
- Giảm giá hàng bán – hàng hóa	-		9.311.295	
- Giảm giá hàng bán – thành phẩm	1.142.857		39.492.915	
<b>Cộng</b>	<b>2.030.741.373</b>		<b>2.303.151.101</b>	
<b>3. Doanh thu hoạt động tài chính</b>				
	<u>Năm nay</u>		<u>Năm trước</u>	
- Lãi tiền gửi ngân hàng	341.413.218		180.509.188	
- Cổ tức được chia	180.926.500		304.419.000	
- Chiết khấu thanh toán	-		20.999.999	
- Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	25.844.114		5.411.810	
- Chi phí tài chính khác	2.791.317		-	
<b>Cộng</b>	<b>550.975.149</b>		<b>511.339.997</b>	
<b>4. Chi phí tài chính</b>				
	<u>Năm nay</u>		<u>Năm trước</u>	
- Chi phí lãi vay	5.769.942.563		5.199.927.909	
- Chiết khấu thanh toán	89.182.100		89.326.673	
- Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	72.444.825		142.509.060	
<b>Cộng</b>	<b>5.931.569.488</b>		<b>5.431.763.642</b>	



**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AGIMEXPHARM**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014**

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

**5. Chi phí bán hàng**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Chi phí nhân viên bán hàng	8.808.313.080	16.086.083.398
- Chi phí vật liệu bao bì	799.556	544.626
- Chi phí dụng cụ, đồ dùng	117.758.956	81.471.922
- Chi phí khấu hao TSCĐ	167.654.232	130.036.960
- Chi phí hoa hồng, tiếp khách	16.458.006.311	10.955.966.204
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	766.590.796	586.767.992
- Chi phí bằng tiền khác	51.049.972.647	29.223.940.715
<b>Cộng</b>	<b><u>77.369.095.578</u></b>	<b><u>57.064.811.817</u></b>

**6. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Chi phí nhân viên quản lý	9.079.727.672	5.630.470.242
- Chi phí vật liệu quản lý	16.020.044	34.597.240
- Chi phí đồ dùng văn phòng	685.912.110	466.297.186
- Chi phí khấu hao TSCĐ	234.979.913	296.313.275
- Thuế, phí và lệ phí	854.030.442	760.127.191
- Chi phí dự phòng	104.075.000	212.935.750
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	601.904.983	712.180.355
- Chi phí bằng tiền khác	2.174.034.333	7.134.914.614
<b>Cộng</b>	<b><u>13.750.684.497</u></b>	<b><u>15.247.835.853</u></b>

**7. Thu nhập khác**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Thu thanh lý vật tư, tài sản	38.950.692	10.850.000
- Xử lý tài sản thừa khi kiểm kê	229.856.796	-
- Thu cho thuê mặt bằng	82.373.790	36.170.337
- Thu chênh lệch giá mặt hàng Triprolidine	121.530.272	-
- Các khoản thu nhập khác	31.523.008	19.279.201
<b>Cộng</b>	<b><u>504.234.558</u></b>	<b><u>66.299.538</u></b>

**8. Phân phối lợi nhuận**

<b>Số dư lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tại ngày 01/01/2014</b>	<b>10.932.519.886</b>
<b>Phân phối trong năm 2014</b>	<b>10.932.519.866</b>
- Trích quỹ đầu tư phát triển	4.251.636.716
- Trích quỹ dự phòng tài chính	551.625.993
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	2.169.317.157
- Chia cổ tức năm 2013	3.959.940.000
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế năm 2014</b>	<b>23.914.795.653</b>
<b>Điều chỉnh các khoản giảm thu nhập chịu thuế</b>	<b>180.926.500</b>
- Cổ tức được chia	180.926.500
<b>Điều chỉnh các khoản tăng thu nhập chịu thuế</b>	<b>11.406.032.425</b>
- Phạt chậm nộp tờ khai thuế	700.000



**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AGIMEXPHARM**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014**

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

- Chi phí khấu hao TSCĐ không có hóa đơn, chứng từ đúng quy định	3.422.447
- Thù lao Hội đồng quản trị không trực tiếp điều hành Công ty	147.600.000
- Chi phí quảng cáo, tiếp tân, khuyến mãi... vượt mức khống chế	11.254.309.978
<b>Lợi nhuận tính thuế năm tài chính 2014</b>	<b>35.139.901.578</b>
Trong đó: - Lợi nhuận chịu thuế 20%	22.391.363.284
- Lợi nhuận chịu thuế 22%	12.748.538.294
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	7.282.951.081
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	-
<b>Lợi nhuận kế toán sau thuế năm 2014</b>	<b>16.631.844.572</b>
<b>Số dư lợi nhuận sau thuế chưa phân phối tại ngày 31/12/2014</b>	<b>16.631.844.572</b>

**VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

Không có các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng.

**VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**

- Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác:** không có
- Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm:** không có  
Trong năm không có thay đổi lớn nào trong chính sách kế toán áp dụng tại Công ty.
- Thông tin về các bên liên quan:**

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Phát sinh trong năm	Số dư phải thu /(phải trả)
Công ty CP Dược phẩm 3/2	Cổ đông	Mua hàng	8.371.733.991	(63.460.335)
Công ty CP Dược phẩm Tê Nam Y Dược	Cổ đông	Mua hàng	1.833.992.270	(184.733.971)
		Bán hàng	3.395.526	-
Công ty CP Dược phẩm Imexpharm	Cổ đông	Mua hàng	26.764.537.459	(13.441.857.282)
		Bán hàng	15.080.185.260	805.996.275
Công ty CP XNK Y tế Domesco	Cổ đông	Mua hàng	3.290.410.972	(387.208.626)
Công ty CP Hóa dược phẩm Mekophar	Cổ đông	Mua hàng	145.241.176	(15.835.901)

- Thông tin so sánh (những thay đổi về thông tin trong báo cáo tài chính của các niên độ kế toán trước):** Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính năm 2013 của Công ty đã được kiểm toán.
- Thông tin về hoạt động liên tục:** Cho đến ngày lập bản báo cáo này, Hội đồng quản trị Công ty cho rằng không có vấn đề bất thường nào có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty và Công ty có khả năng hoàn trả các khoản nợ đến hạn trả.
- Thay đổi chính sách kế toán:** Trong năm không có bất kỳ thay đổi về chính sách kế toán so với năm trước làm ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của Công ty.



**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AGIMEXPHARM**  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014**

*(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)*

**7. Rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

***Rủi ro tỷ giá hối đoái***

Rủi ro tỷ giá hối đoái là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Công ty không có rủi ro tỷ giá hối đoái do việc mua và bán hàng hóa, dịch vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ kế toán là VND.

***Rủi ro lãi suất***

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay.

***Rủi ro về giá khác***

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

**8. Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

***Phải thu khách hàng***

Công ty quản lý rủi ro tín dụng khách hàng thông qua các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng. Các khoản phải thu thường xuyên được theo dõi nợ và đôn đốc thanh toán. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

***Tiền gửi ngân hàng***

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

001-  
NH  
TY  
HỮU  
HẠN  
VIỆT  
-TP. C



**CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM AGIMEXPHARM**

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014**

(Thể hiện bằng đồng Việt Nam (VND), ngoại trừ trường hợp có ghi chú bằng đồng tiền khác)

**Các khoản cho vay**

Công ty không có cho các cá nhân hay tổ chức vay vốn.

**9. Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

**NGƯỜI LẬP**

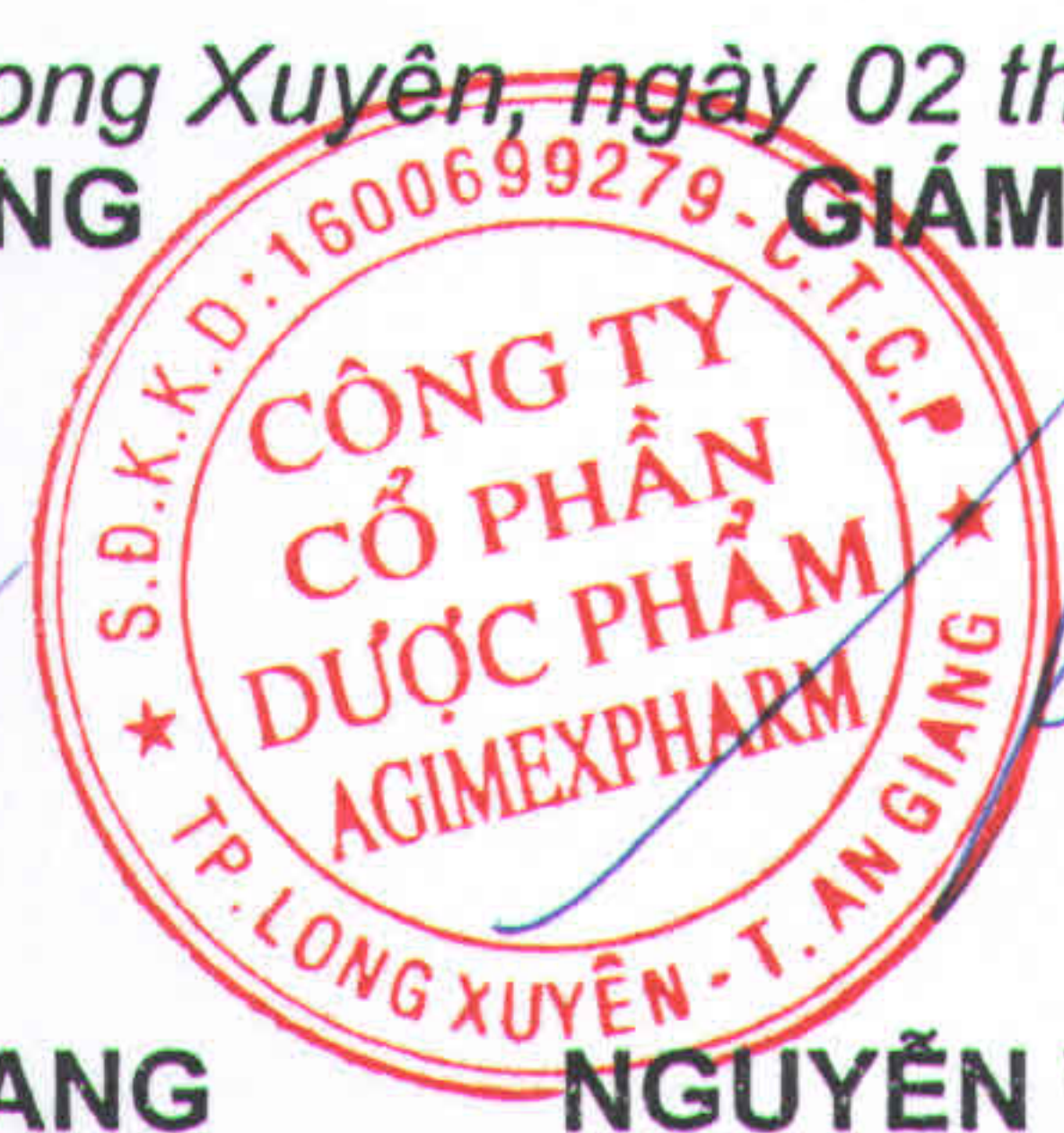



**DƯƠNG ÁNH NGỌC**

Long Xuyên, ngày 02 tháng 02 năm 2015  
**KẾ TOÁN TRƯỞNG**



**LÊ THÁI MINH TRANG**

**GIÁM ĐỐC**  
  


**NGUYỄN VĂN KHA**